CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Sơn Đồng Nai

Ngày 30/09/2024	31,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.1%	**9.6%**	**15.9%**

DT thuần
Q3/24
27.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.90| -6.3%
YoY: ▼0.60| -2.0%

LN thuần
Q3/24
1.56
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.22| -12.1%
YoY: ▼0.30| -15.9%

LN sau thuế
Q3/24
2.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.04| -2.0%
YoY: ▲ 0.08| 4.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
10.0%
YoY: +/-▲ 0.2%

ROE (TTM)
Q3/24
26.6%
YoY: +/-▲ 0.8%

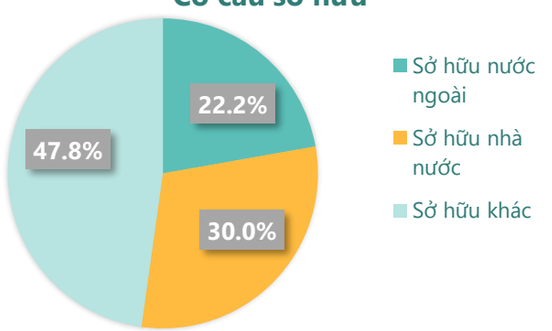
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	22,915 - 31,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	96
Số lượng CPLH (CP)	3,036,436
KLGD BQ 20 phiên (CP)	170
Sở hữu nước ngoài	22.2%
Beta	0.02
EPS	5,380
P/E	5.9

DT thuần
9T 2024
83.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.20| 1.5%

LN thuần
9T 2024
4.72
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.66| -26.1%

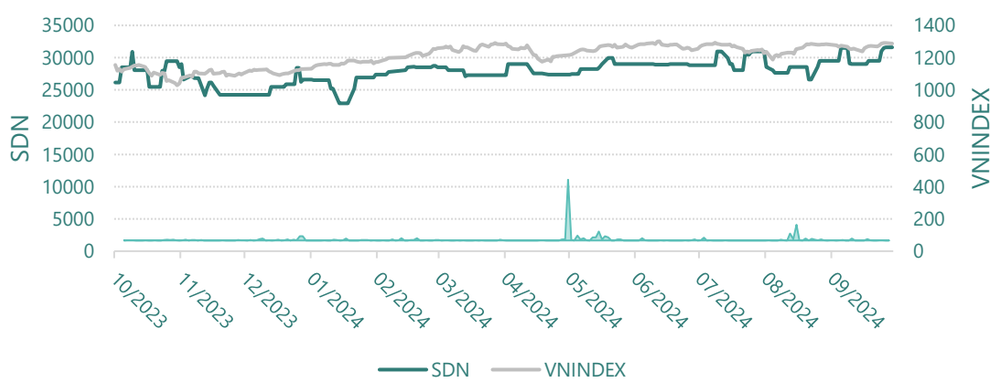
LN sau thuế
9T 2024
5.81
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.17| -2.7%

Cơ cấu sở hữu

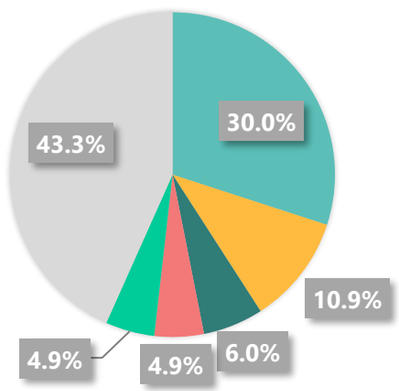


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



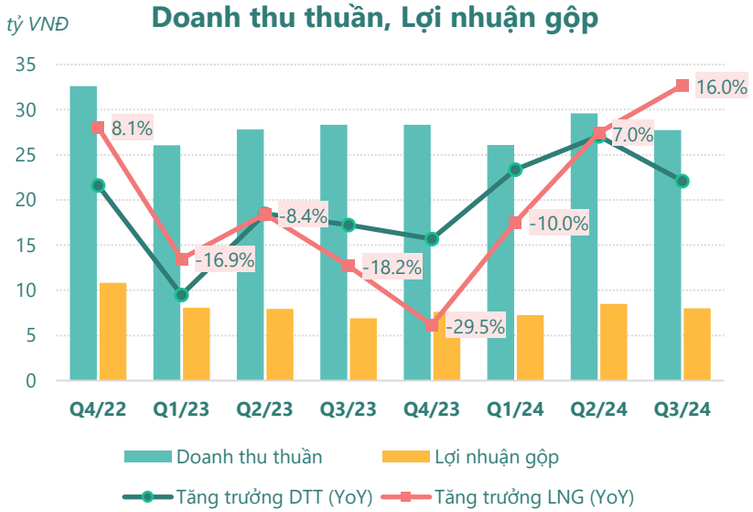
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

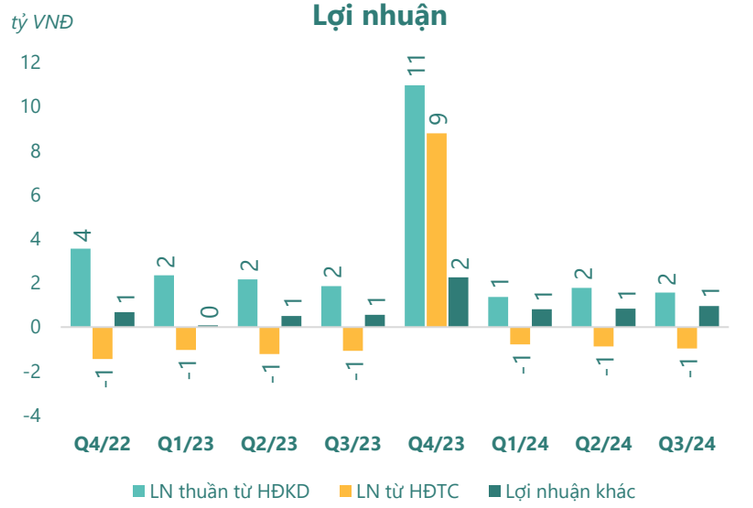
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



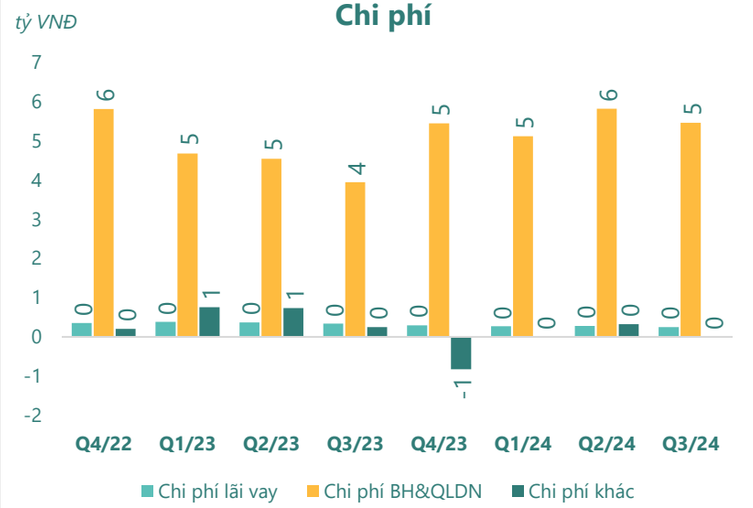
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



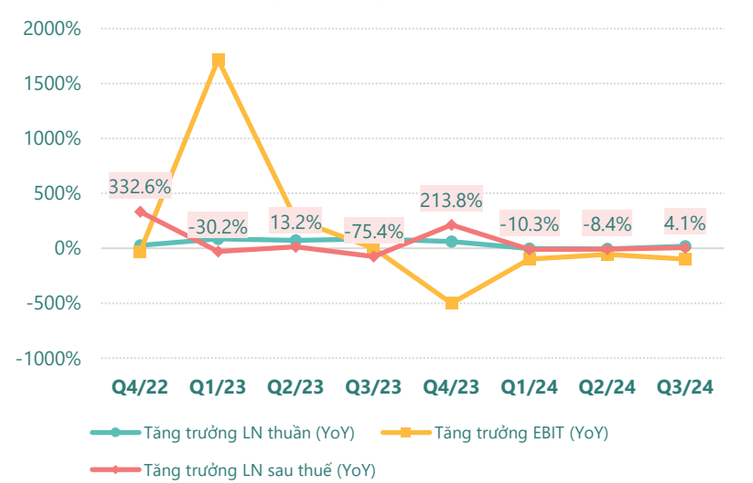
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



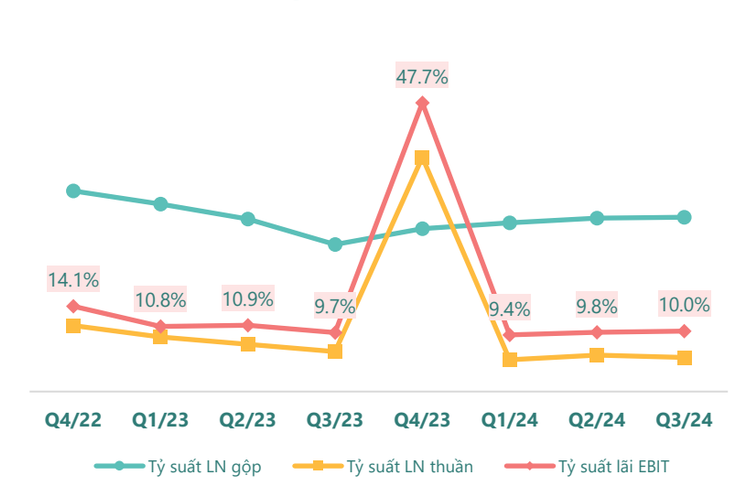
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



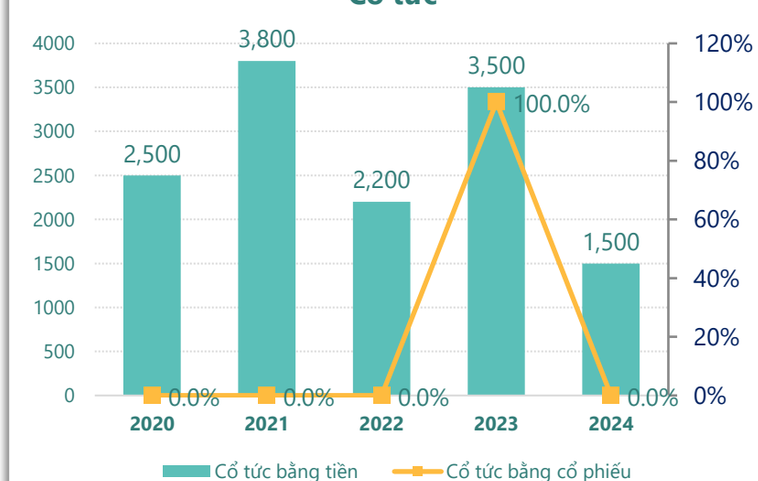
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

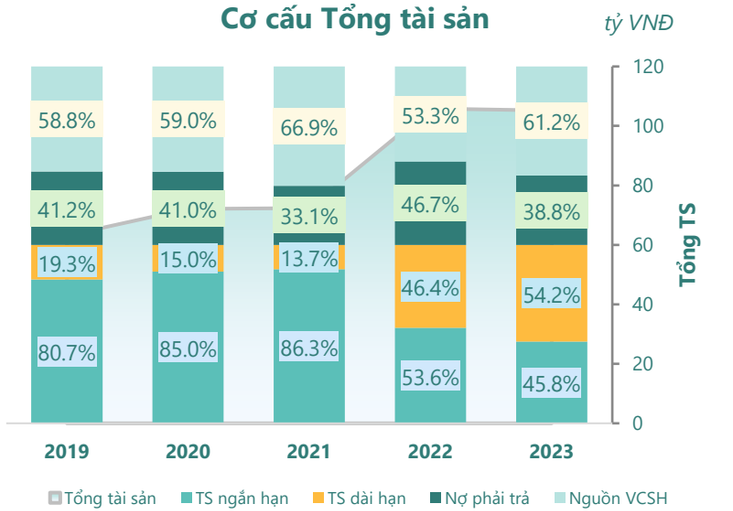
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

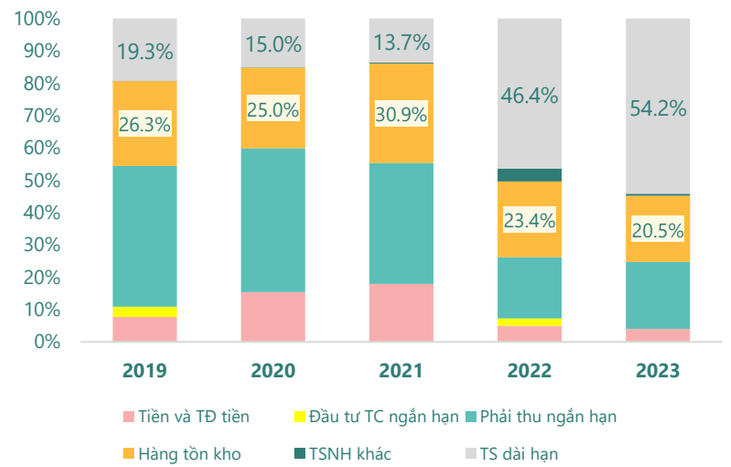
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



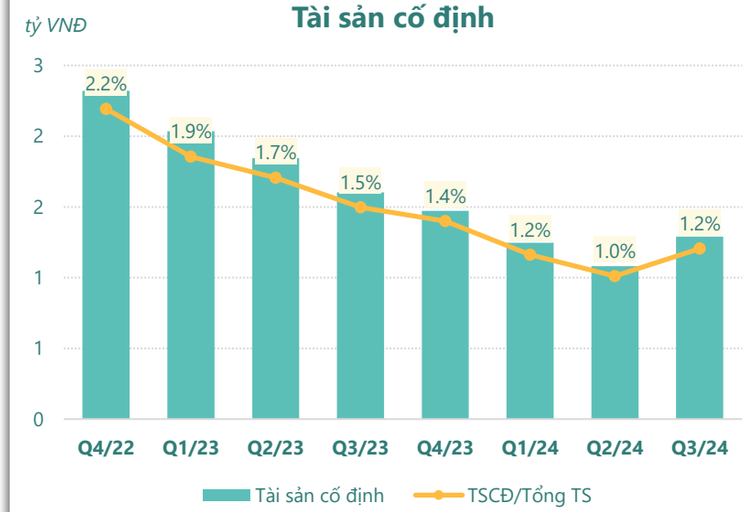
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



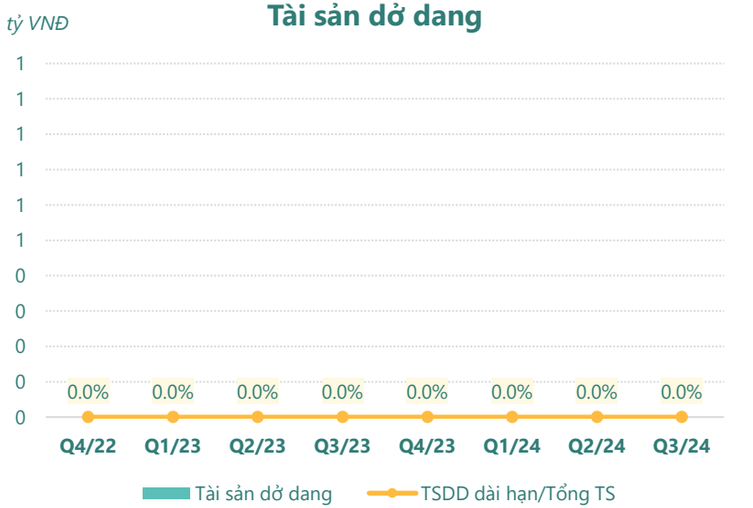
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



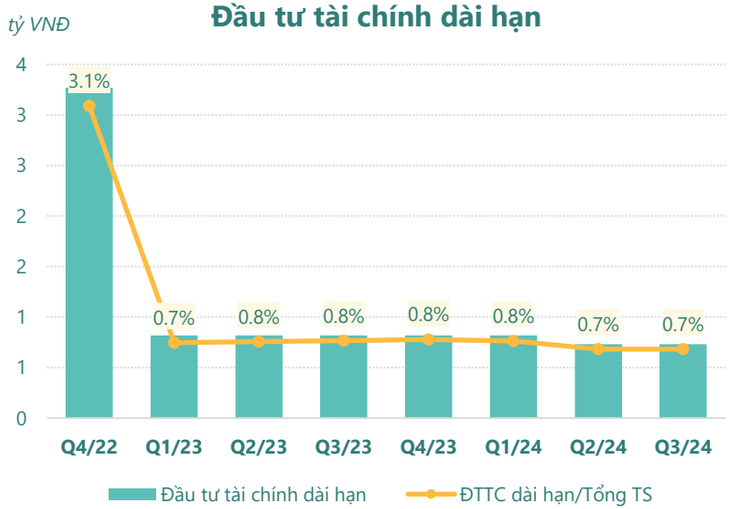
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



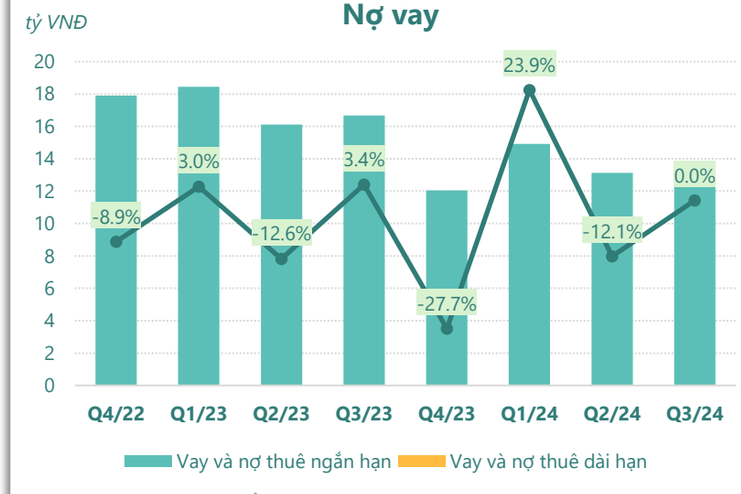
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

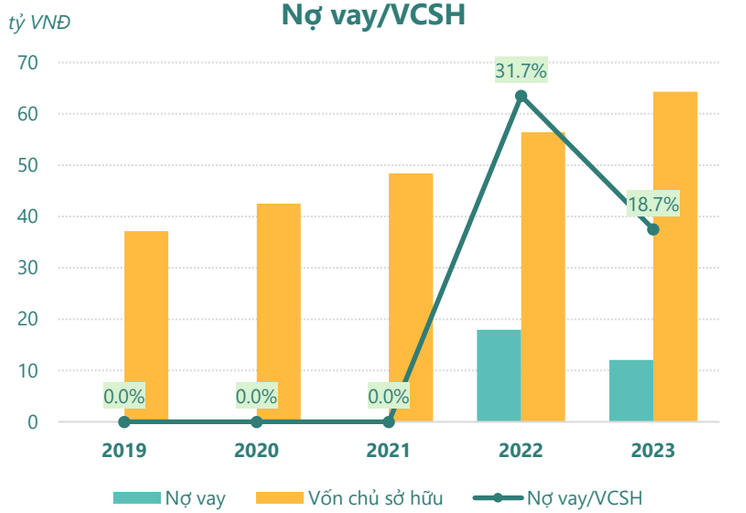
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

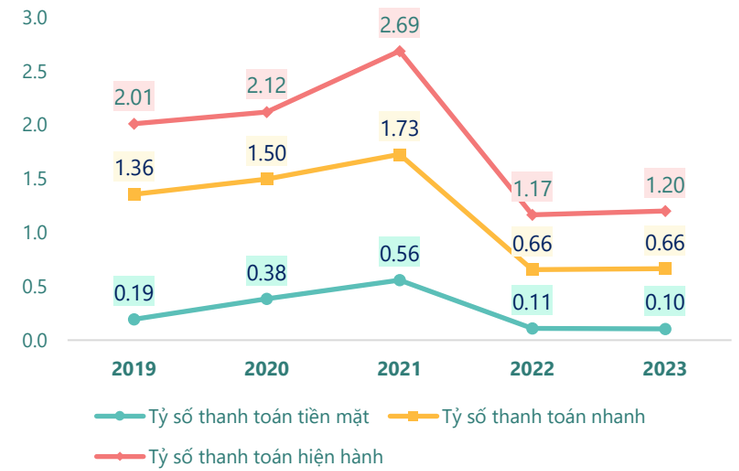
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



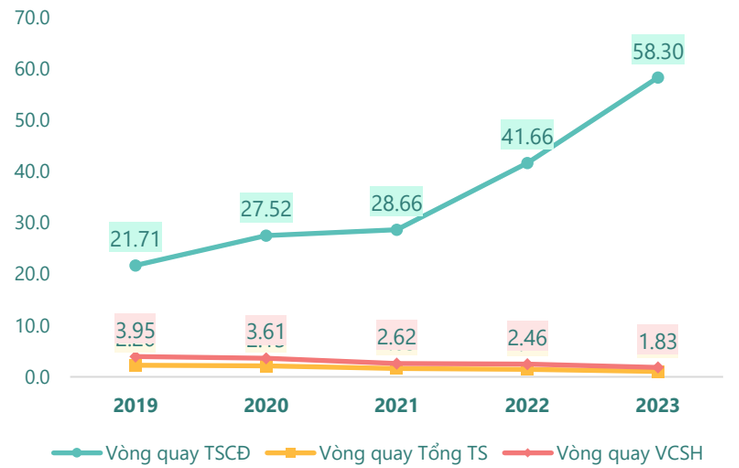
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



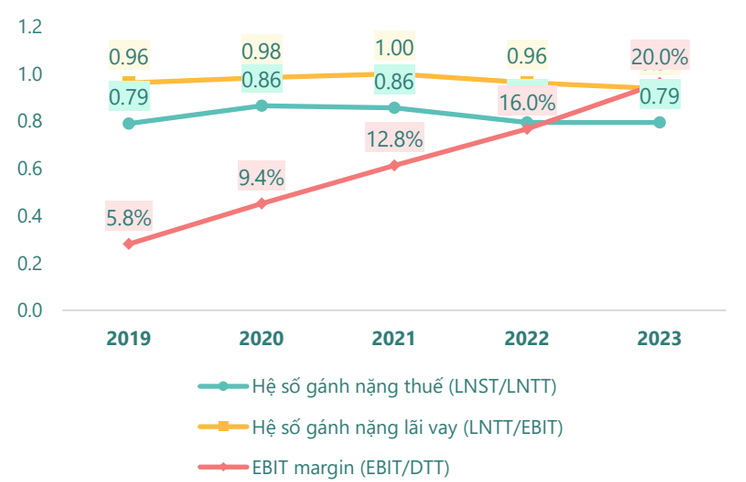
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



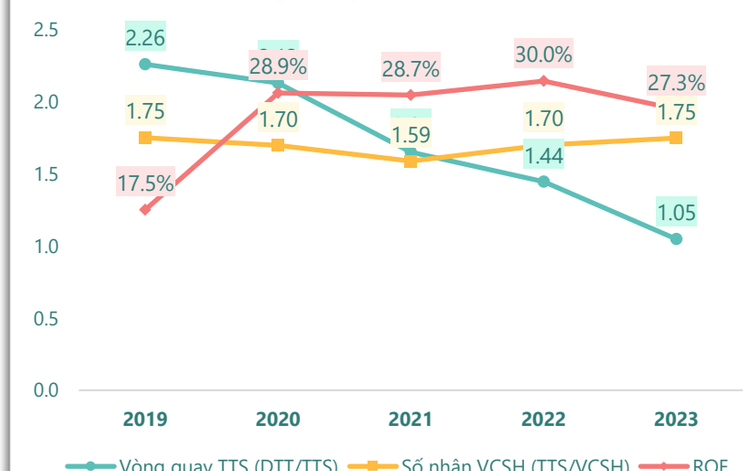
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



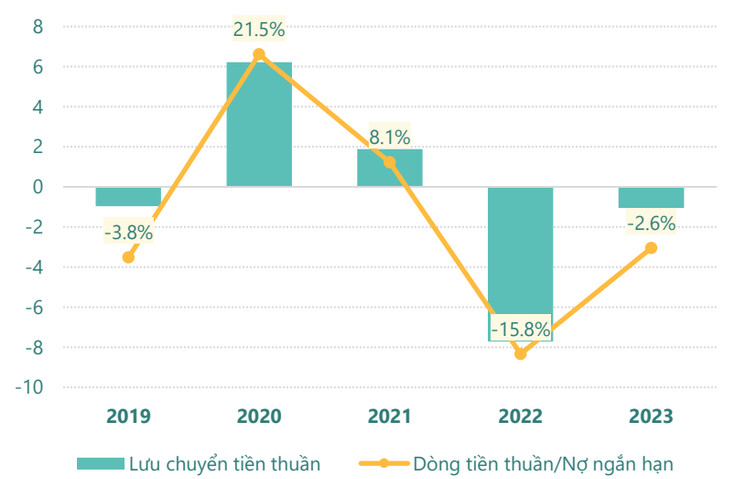
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**27.7**	**28.3**	**-2.0%**	**83.4**	**82.2**	**1.5%**
Giá vốn hàng bán	19.8	21.4	-7.7%	59.7	59.3	0.6%
Lợi nhuận gộp	7.99	6.89	16.0%	23.8	22.9	3.8%
Doanh thu HĐTC	-0.07	0.02	-459%	0.03	0.03	-4.0%
Chi phí TC	0.90	1.09	-17.7%	2.67	3.37	-20.9%
Chi phí lãi vay	0.25	0.34	-25.7%	0.80	1.09	-26.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.03	0.87	133%	4.94	4.29	15.2%
Chi phí QLDN	**3.43**	**3.08**	**11.5%**	**11.5**	**8.88**	**29.0%**
LN thuần từ HĐKD	1.56	1.86	-15.9%	4.72	6.38	-26.1%
Lợi nhuận khác	**0.96**	**0.56**	**71.3%**	**2.59**	**1.14**	**128%**
LN trước thuế	2.52	2.42	4.3%	7.31	7.52	-2.8%
Lợi nhuận sau thuế	**2.02**	**1.94**	**4.1%**	**5.81**	**5.98**	**-2.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.02**	**1.94**	**4.1%**	**5.81**	**5.98**	**-2.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.89	3.98	-5.52	-2.62	4.02	3.48
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.05	0.02	10.1	0.00	-0.23	-0.18
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.33	-3.55	-4.62	1.36	-1.80	-3.04
Tiền đầu kỳ	2.26	3.77	4.22	4.21	2.95	4.93
Lưu chuyển tiền thuần	**1.51**	**0.45**	**-0.01**	**-1.26**	**1.98**	**0.27**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.77	4.22	4.21	2.95	4.93	5.19

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**107**	**105**	**1.9%**
Tài sản ngắn hạn	54.1	48.2	12.2%
Tiền và tương đương tiền	5.19	4.21	23.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	25.6	21.7	17.7%
Hàng tồn kho	23.3	21.5	8.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.72	-100%
Tài sản dài hạn	**53.0**	**57.0**	**-6.9%**
Phải thu dài hạn	0	0.75	-100%
Tài sản cố định	1.29	1.47	-12.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.73	0.82	-10.8%
Tài sản dài hạn khác	**51.0**	**53.9**	**-5.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	41.5	40.9	1.7%
Nợ ngắn hạn	**41.3**	**40.2**	**2.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13.1	12.0	8.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	16.8	18.8	-10.8%
Nợ dài hạn	0.20	0.69	-70.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**65.6**	**64.3**	**2.0%**
Vốn chủ sở hữu	**65.6**	**64.3**	**2.0%**
Vốn điều lệ	30.4	30.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)